

Số: **55**/2021/HSPT
Ngày: 02-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán:

Ông Lê Viết Phong

Ông Vũ Hoàng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 9 và ngày 02 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị Mỹ D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo: Trần Thị Mỹ D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; sinh năm 1995, tại tỉnh: Bình Phước; Nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1963 và bà Cao Thị Mỹ D, sinh năm 1964; Bị cáo có chồng là anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1995 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2020 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thành T, Luật sư thuộc Công ty luật TNHH MTV N – Miền Nam; Địa chỉ: Quốc lộ 14, khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Văn M và Trần Thị Mỹ D có quan hệ tình cảm nên khoảng đầu tháng 5/2020 M và D có đến thuê phòng số 7 nhà nghỉ “T” thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước sống chung với nhau, cả M và D đều là những người nghiện ma túy.

Khoảng 15 giờ ngày 13/5/2020 khi thấy Lực lượng Công an vào kiểm tra thì M lập tức bỏ chạy vào trong phòng vệ sinh của phòng số 7 nhà nghỉ “T”, ném 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng vào bên trong bồn cầu, rồi ấn nút xả nước để phi tang nhưng do đoạn ống nhựa nhẹ, nổi trên mặt nước không bị cuốn xuống nên đã bị thu giữ. Qua kiểm tra, lực lượng Công an còn phát hiện trong gói thuốc lá hiệu “Jet” M để trong hộc xe mô tô Vision biển kiểm soát 93L1-365.95 dựng trước cửa phòng số 7 có 01 gói nylon và 01 đoạn ống nhựa bên trong có chứa tinh thể màu trắng nên lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vi Văn M và thu giữ niêm phong vật chứng để điều tra.

Tại Kết luận giám định số 102/2020/GĐ-MT ngày 20/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Tinh thể màu trắng có trong 01 đoạn ống hút nhựa (ký hiệu M, thu giữ trong bồn cầu) được niêm phong gửi giám định ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,2384 gam;
- Tinh thể màu trắng có trong 01 đoạn ống hút nhựa và một gói nylon (ký hiệu M2, thu giữ trong gói thuốc lá) được niêm phong gửi giám định ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 1,5074 gam.

Tại Kết luận giám định số 2791/C09B ngày 30/6/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Trên đoạn ống hút nhựa màu vàng và túi nylon hàn kín gửi giám định có dính tế bào người. Phân tích được kiểu gen nam giới không hoàn chỉnh do mẫu kém nên không đủ cơ sở truy nguyên.

Quá trình điều tra, Vi Văn M khai nhận vào chiều ngày 13/5/2020, khi M về đến phòng số 7 nhà nghỉ “T” thì được Trần Thị Mỹ D đưa cho M 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng, hàn kín hai đầu, bên trong chứa ma túy đá cho M sử dụng, khi M vừa đi ra cửa phòng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, do sợ bị phát hiện nên M vút đoạn ống hút nhựa vào trong bồn cầu.

Quá trình làm việc, lấy lời khai ban đầu bị cáo Trần Thị Mỹ D khai nhận trong lúc D dọn dẹp phòng số 7 thì D có nhặt được đoạn ống nhựa màu vàng bên trong chứa ma túy nên D đã cất giữ, sau khi M về phòng số 7 thì D đưa cho M. Tuy nhiên, sau khi bị khởi tố thì D thay đổi lời khai không thừa nhận việc mình nhặt được đoạn ống hút nhựa màu vàng chứa ma túy, cất giữ, đưa lại cho M và cho rằng những lời khai trước đây của D là bị ép cung.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước quyết định:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố Trần Thị Mỹ D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, điểm n khoản 1, 2 Điều 51, 17, 58, 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ D 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên tội danh, hình phạt của bị cáo Vi Văn M, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/5/2021 bị cáo Trần Thị Mỹ D có đơn kháng cáo kêu oan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo D không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm:

Mặc dù trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận các lời khai trước của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên bị cáo lại cho rằng bị cáo khai trong tình trạng tinh thần không tỉnh táo, do đã sử dụng ma túy, đây là những mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo. Theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng hình sự, trong vụ án có lời khai mâu thuẫn thì cơ quan tố tụng phải tiến hành đối chất làm rõ, tuy nhiên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện B chưa tiến hành đối chất giữa lời khai bị cáo D với lời khai bị cáo M là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra, qua diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng bị cáo D khai tép ma túy do đối tượng tên “S” sử dụng hôm trước ngắn hơn tép ma túy đã thu giữ. Xác định đây là tình tiết mới, liên quan đến đối tượng tên “S”, nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ đối tượng này; người làm chứng H khai có người tên Huy ở cùng phòng với H trước khi H sang phòng 7 với D, nhưng cơ quan điều tra chưa lấy lời khai người này để kiểm chứng lời khai của H. Do hồ sơ vụ án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo D, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo D.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, tuyên bố bị cáo không phạm tội hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại vì tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở chứng minh bị cáo

D phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy để điều tra, truy tố và xét xử lại theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Mỹ D làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị cáo Trần Thị Mỹ D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và tuyên bố bị cáo không phạm tội vì D không tàng trữ đoạn ống hút màu vàng, có hàn gắn hai đầu, bên trong chứa 0,2384 gam ma túy loại Methamphetamine mà bị cáo M ném xuống bồn cầu khi bị bắt quả tang và D cũng không đưa đoạn ống hút chứa ma túy nêu trên cho M sử dụng. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 13/5/2020 D khai trong khi D dọn dẹp phòng số 7 thì D nhặt được đoạn ống hút nhựa màu vàng chứa ma túy đã rồi để lên bàn nhựa trong phòng số 7 sau đó đưa cho M cất giữ (bút lục 03); Tại bản tự khai ngày 13/5/2020; ngày 14/5/2020 D lại khai tối ngày 12/5/2020 tại phòng số 7 D, M, H, T, S có tổ chức sử dụng ma túy, khi đó D thấy S lấy đoạn ống hút màu vàng chứa ma túy cất bỏ rồi lấy ma túy ra sử dụng, khi đi về S có để lại 01 ống hút nhựa dưới nệm mép giường phòng số 7, sau đó dọn phòng thì D kêu M vứt ra ngoài, đến 13 giờ ngày 13/5/2021 D ngủ dậy phát hiện đoạn ống hút nhựa màu vàng mà tối qua S để lại không lấy về thì D cầm để lên bàn nhựa trong phòng khi M về thì D đưa cho M (bút lục 125, 128); Tại bản tự khai ngày 07/12/2020 D lại khai D không biết gì về đoạn ống hút màu vàng chứa ma túy mà M ném vào bồn cầu (bút lục 132). Như vậy, lời khai của D về đoạn ống hút nhựa màu vàng chứa 0,2384 gam ma túy chưa rõ, có nhiều mâu thuẫn nhưng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không thực hiện việc đối chất giữa M và D theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng hình sự, cũng chưa tiến hành thực nghiệm điều tra việc D đưa tép ma túy theo lời khai M cụ thể như thế nào là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Cơ quan điều tra cũng chưa làm rõ đối với bị cáo M, người làm chứng H về việc tối ngày 12/5/2021 M, H, D, T, S có tổ chức sử dụng ma túy tại phòng số 7 nhà nghỉ “T” hay không, chưa xác minh, làm rõ đối tượng tên “S” (theo lời khai của D, H tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo M biết T, còn S là bạn gái của T) để xác định nguồn gốc đoạn ống hút nhựa màu vàng chứa ma túy có phải của S để lại hay không. Người làm chứng H cũng khai khi ở phòng số 5 H ở cùng với người tên “Huy” đến 13 giờ ngày 13/5/2020 mới sang phòng số 7 nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ, lấy lời khai người này để kiểm chứng lời khai của H. Tại bút lục 237, 240 thể hiện cơ quan điều tra có thu giữ ổ cứng chứa dữ liệu camera tại nhà nghỉ

“T” và có trích xuất hình ảnh từ camera, tuy nhiên tài liệu có trong hồ sơ vụ án lại không thể hiện (biên bản trích xuất hình ảnh từ camera bút lục 237, 239, 240).

Ngoài ra, tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 01) ngày 13/5/2020, theo lời khai của người chứng kiến bà T – cán bộ phụ nữ xã Đ xác định khi bắt quả tang ngoài M thì tại phòng số 7 còn có mặt D và H, sau đó cả M, D, H đều được đưa về trụ sở công an làm việc. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo D và H cũng xác định khi bắt quả tang cả D, H đều có mặt tại phòng số 7 lời trình bày của D và H cũng phù hợp với bản ảnh hiện trường (bút lục số 17). Tại bản giải trình của Điều tra viên cũng nêu do khi bắt quả tang tại phòng số 7 D có mặt và đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên cơ quan công an tách D ra và lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, việc lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú được thực hiện tại nhà nghỉ lúc bắt các bị cáo (bút lục 323). Xét thấy, khi bắt người phạm tội quả tang, sau khi thực hiện bảo vệ hiện trường thì phải lấy lời khai ban đầu của người bị bắt và những người có liên quan. Khi bị bắt, tại biên bản bắt quả tang cũng thể hiện M đã khai đoạn ống hút nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu, chứa ma túy mà M ném xuống bồn cầu là do D đưa cho M để M cất giữ mang về nhà sử dụng nhưng cơ quan công an lại không ghi lời khai, lời trình bày của đối tượng liên quan là D và H về nguồn gốc đoạn ống hút nhựa màu vàng, được hàn kín hai đầu, có chứa ma túy như M đã nêu trên vào biên bản bắt người phạm tội quả tang. Trong khi, tại thời điểm bắt quả tang cả 03 đối tượng đều có mặt tại phòng số 7 mà đến 16 giờ 30 phút mới lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú đối với D, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú cũng không ghi cụ thể nơi lập biên bản mà chỉ ghi “xã Đ, huyện B” là chưa đúng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 4, Điều 111, Điều 152 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét thấy, những thiếu sót nêu trên của cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục tại phiên tòa được. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo D, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo D, giao hồ sơ lại cho Viện kiểm sát nhân dân huyện B điều tra, truy tố và xét xử lại theo quy định chung.

[3]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Mỹ D.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Mỹ D.

Giao hồ sơ về Viện Kiểm sát nhân dân huyện B để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA huyện B;
- CQTHAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo (TN); Người bào chữa;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thư